

## SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT ĐƠN VỊ ĐỒNG HÀNH SỐNG THỎA CHẤT - LỰA CHỌN CƠ BẢN

CỦA CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM HANWHA LIFE VIỆT NAM

Nghệp vụ bảo hiểm: Bảo hiểm liên kết đầu tư

Với **Đồng Hành Sống Thỏa Chất**, Hanwha Life Việt Nam đồng hành cùng bạn thiết lập kế hoạch **bảo vệ dài hạn** và **đầu tư hiệu quả**  
- để bạn **tự tin sống thỏa chất** theo cách riêng của mình



### ĐỒNG HÀNH ĐẦU TƯ HIỆU QUẢ

*Vững vàng vun đắp tương lai*

- **4 Quỹ liên kết đơn vị** với chiến lược đầu tư được thiết kế chuyên biệt, phù hợp với nhiều nhu cầu và khẩu vị đầu tư khác nhau.
- **An tâm đầu tư** với các chuyên gia đầu tư giàu kinh nghiệm đến từ 2 công ty quản lý Quỹ hàng đầu tại Việt Nam, giúp gia tăng tài sản hiệu quả.



### ĐỒNG HÀNH NÂNG TẦM BẢO VỆ

*Vững tâm an yên mỗi ngày*

- Quyền lợi bảo vệ được tự động tăng dần lên tới **150% Số tiền bảo hiểm**.
- **Đồng hành bảo vệ** thêm cho người thân yêu trong gia đình.
- Hỗ trợ tài chính kịp thời, giúp vượt qua giai đoạn khó khăn với **Quyền lợi đồng hành sẻ chia**.



### TỰ TIN SỐNG THỎA CHẤT RIÊNG

*Chủ động kế hoạch tài chính*

- **Toàn quyền linh hoạt** đầu tư thêm, thay đổi Tỷ lệ đầu tư hoặc chuyển đổi Quỹ, giúp bạn làm chủ kế hoạch tài chính theo chất riêng của mình.
- **Cơ hội tăng trưởng tài sản** cùng các khoản Thưởng hấp dẫn, rút ngắn hành trình chạm đến giấc mơ tự do tài chính.

**KHÁCH HÀNG ĐƯỢC HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO ĐẦU TƯ  
TỪ CÁC QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ ĐÃ LỰA CHỌN**

Họ và tên TVTC: HANWHA LIFE VIETNAM 01  
Số chứng chỉ đại lý bảo hiểm cơ bản:  
Số chứng chỉ đại lý bảo hiểm liên kết đơn vị:

Mã số TVTC: 90000031

Minh Họa số: 102025-000288  
Ngày : 02/10/2025 16:56  
Trang : 1/25

I. THÔNG TIN CHUNG

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP BẢO HIỂM

Công ty TNHH Bảo hiểm Hanwha Life Việt Nam, gọi tắt là Hanwha Life Việt Nam, có giấy phép thành lập và hoạt động số 51GP/KDBH cấp ngày 12/06/2008 với vốn điều lệ gần 4.900 tỷ đồng và là một trong những công ty bảo hiểm nhân thọ hàng đầu tại Việt Nam.

- Lĩnh vực kinh doanh: Bảo hiểm nhân thọ.
- Trụ sở chính: Tầng 14, số 81 - 85 Hàm Nghi, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh.; Điện thoại: (028) 3914 9100 | Fax: (028) 3914 9101
- Văn phòng/Trung tâm dịch vụ khách hàng: Website: [www.hanwhalife.com.vn](http://www.hanwhalife.com.vn) | Hotline: 1900 55 55 22 | Email: [customer.service@hanwhalife.com.vn](mailto:customer.service@hanwhalife.com.vn)

| THÔNG TIN KHÁCH HÀNG                  | Họ tên | Giới tính | Ngày sinh  | Tuổi bảo hiểm | Nhóm nghề nghiệp (*) |
|---------------------------------------|--------|-----------|------------|---------------|----------------------|
| Bên mua bảo hiểm (BMBH):              | Chị A  | Nữ        | 01/01/1990 | 35            | 1                    |
| Người được bảo hiểm 1 (NĐBH 1):       | Anh B  | Nam       | 01/01/1990 | 35            | 1                    |
| Người được đồng hành bảo vệ (NĐĐHBV): | Bé C   | Nam       | 01/01/2020 | 5             | 1                    |

THÔNG TIN CHUNG VỀ SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Minh họa số: 102025-000288

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

| Sản phẩm bảo hiểm        | Lựa chọn | Thời hạn bảo hiểm (năm) | Số tiền bảo hiểm | Phí bảo hiểm cơ bản định kỳ năm |
|--------------------------|----------|-------------------------|------------------|---------------------------------|
| Đồng Hành Sống Thỏa Chất | Cơ bản   | 64                      | 1.000.000.000    | 12.000.000                      |

KHÁCH HÀNG ĐƯỢC HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO ĐẦU TƯ  
TỪ CÁC QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ ĐÃ LỰA CHỌN

|                                               |                      |                            |
|-----------------------------------------------|----------------------|----------------------------|
| Họ và tên TVTC: HANWHA LIFE VIETNAM 01        | Mã số TVTC: 90000031 | Minh Họa số: 102025-000288 |
| Số chứng chỉ đại lý bảo hiểm cơ bản:          |                      | Ngày : 02/10/2025 16:56    |
| Số chứng chỉ đại lý bảo hiểm liên kết đơn vị: |                      | Trang : 2/25               |

KẾ HOẠCH ĐÓNG PHÍ

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

| Định kỳ đóng phí dự kiến                                                                                 | <input checked="" type="checkbox"/> Năm | <input type="checkbox"/> Nửa năm | <input type="checkbox"/> Quý |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|----------------------------------|------------------------------|
| Phí bảo hiểm cơ bản của sản phẩm <b>Đồng Hành Sống Thỏa Chất - Lựa chọn cơ bản (1)</b>                   | 12.000.000                              | 6.000.000                        | 3.000.000                    |
| Phí bảo hiểm đóng thêm của sản phẩm <b>Đồng Hành Sống Thỏa Chất - Lựa chọn cơ bản (2)</b>                | -                                       | -                                | -                            |
| Tổng Phí bảo hiểm dự kiến của sản phẩm <b>Đồng Hành Sống Thỏa Chất - Lựa chọn cơ bản (3) = (1) + (2)</b> | 12.000.000                              | 6.000.000                        | 3.000.000                    |
| Tổng Phí bảo hiểm của (các) sản phẩm bảo hiểm tham gia thêm (4)                                          | 0                                       | 0                                | 0                            |
| <b>Tổng Phí bảo hiểm dự kiến đóng theo định kỳ (5) = (3) + (4)</b>                                       | <b>12.000.000</b>                       | <b>6.000.000</b>                 | <b>3.000.000</b>             |
| Thời hạn đóng phí bắt buộc của sản phẩm <b>Đồng Hành Sống Thỏa Chất - Lựa chọn cơ bản</b>                | <b>03 Năm</b>                           |                                  |                              |
| Thời hạn đóng phí dự kiến của sản phẩm <b>Đồng Hành Sống Thỏa Chất - Lựa chọn cơ bản (***)</b>           | <b>64 Năm</b>                           |                                  |                              |

(\*) Nhóm nghề nghiệp xác định trên đây có thể được điều chỉnh theo quyết định thẩm định của Hanwha Life Việt Nam.

(\*\*\*) Thời hạn đóng phí dự kiến trên đây là thời hạn do Bên mua bảo hiểm lựa chọn theo tình hình tài chính và nhu cầu bảo hiểm của Bên mua bảo hiểm. Tuy nhiên, Phí bảo hiểm cơ bản trong 03 Năm hợp đồng đầu tiên phải được đóng đầy đủ và đúng hạn.

**KHÁCH HÀNG ĐƯỢC HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO ĐẦU TƯ  
TỪ CÁC QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ ĐÃ LỰA CHỌN**

Họ và tên TVTC: HANWHA LIFE VIETNAM 01  
Số chứng chỉ đại lý bảo hiểm cơ bản:  
Số chứng chỉ đại lý bảo hiểm liên kết đơn vị:

Mã số TVTC: 90000031

Minh Họa số: 102025-000288  
Ngày : 02/10/2025 16:56  
Trang : 3/25

II. THÔNG TIN CHI TIẾT  
QUYỀN LỢI SẢN PHẨM BẢO HIỂM  
1. QUYỀN LỢI BẢO HIỂM RỦI RO

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

| SẢN PHẨM BẢO HIỂM                                                                                                                                                                                                                                               | SỰ KIỆN BẢO HIỂM                                                                                                                                                                                                                                                                          | QUYỀN LỢI                                                                                                            |              |                               |           |           |                               |          |      |      |      |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|-------------------------------|-----------|-----------|-------------------------------|----------|------|------|------|
| Dành cho NĐBH 1: Anh B                                                                                                                                                                                                                                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                                                                                                                      |              |                               |           |           |                               |          |      |      |      |
| Đồng Hành Sống Thỏa Chất - Lựa chọn cơ bản                                                                                                                                                                                                                      | • Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn do bệnh Ung thư tuyến giáp thể biệt hóa trước hoặc vào Ngày kỷ niệm năm hợp đồng ngay sau khi NĐBH đạt 75 tuổi.                                                                                                                                         | • 100.000.000                                                                                                        |              |                               |           |           |                               |          |      |      |      |
|                                                                                                                                                                                                                                                                 | • Tử vong; hoặc<br>• Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn do các bệnh/thương tật khác (không bao gồm tỷ lệ tổn thương cơ thể trong trường hợp Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn do bệnh Ung thư tuyến giáp thể biệt hóa) trước hoặc vào Ngày kỷ niệm năm hợp đồng ngay sau khi NĐBH đạt 75 tuổi. | • Giá trị lớn hơn giữa x% Số tiền bảo hiểm(1) và Giá trị tài khoản cơ bản;<br>• Cộng với Giá trị tài khoản đóng thêm |              |                               |           |           |                               |          |      |      |      |
|                                                                                                                                                                                                                                                                 | • Quyền lợi đồng hành sẽ chia(2)                                                                                                                                                                                                                                                          | • Ứng trước 50.000.000                                                                                               |              |                               |           |           |                               |          |      |      |      |
|                                                                                                                                                                                                                                                                 | (1) Hệ số x% được tự động áp dụng theo Năm hợp đồng như sau:                                                                                                                                                                                                                              |                                                                                                                      |              |                               |           |           |                               |          |      |      |      |
|                                                                                                                                                                                                                                                                 | <table><tr><td>Năm hợp đồng</td><td>01 đến 05</td><td>06 đến 10</td><td>11 đến 15</td><td>Từ Năm hợp đồng thứ 16 trở đi</td></tr><tr><td>Hệ số x%</td><td>100%</td><td>120%</td><td>140%</td><td>150%</td></tr></table>                                                                   |                                                                                                                      | Năm hợp đồng | 01 đến 05                     | 06 đến 10 | 11 đến 15 | Từ Năm hợp đồng thứ 16 trở đi | Hệ số x% | 100% | 120% | 140% |
| Năm hợp đồng                                                                                                                                                                                                                                                    | 01 đến 05                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 06 đến 10                                                                                                            | 11 đến 15    | Từ Năm hợp đồng thứ 16 trở đi |           |           |                               |          |      |      |      |
| Hệ số x%                                                                                                                                                                                                                                                        | 100%                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 120%                                                                                                                 | 140%         | 150%                          |           |           |                               |          |      |      |      |
| (2) Điều kiện nhận Quyền lợi đồng hành sẽ chia:                                                                                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                                                                                                                      |              |                               |           |           |                               |          |      |      |      |
| • Sự kiện tử vong xảy ra sau 01 năm kể từ (i) Ngày hợp đồng bảo hiểm bắt đầu có hiệu lực hoặc (ii) ngày khôi phục hiệu lực gần nhất của sản phẩm bảo hiểm này, tính theo ngày nào xảy ra sau. Điều kiện này không áp dụng cho trường hợp tử vong do Tai nạn; và |                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                                                                                                                      |              |                               |           |           |                               |          |      |      |      |

KHÁCH HÀNG ĐƯỢC HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO ĐẦU TƯ  
TỪ CÁC QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ ĐÃ LỰA CHỌN

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

| SẢN PHẨM BẢO HIỂM                                                                | SỰ KIỆN BẢO HIỂM                                                                                                                                                                                                                                                 | QUYỀN LỢI                                                  |
|----------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|
| Dành cho NĐBH 1: Anh B                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                  |                                                            |
|                                                                                  | <ul style="list-style-type: none"><li>Nguyên nhân tử vong được ghi trên Giấy chứng tử/Giấy báo tử/Trích lục khai tử của Người được bảo hiểm không nằm trong những trường hợp thuộc Điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm của sản phẩm bảo hiểm này.</li></ul> |                                                            |
| Dành cho Người được đồng hành bảo vệ khi được Bên mua bảo hiểm chỉ định (nếu có) |                                                                                                                                                                                                                                                                  |                                                            |
| Đồng Hành Sống Thỏa Chất                                                         | <ul style="list-style-type: none"><li>Tử vong do Tai nạn trước khi đạt 75 tuổi</li></ul>                                                                                                                                                                         | <ul style="list-style-type: none"><li>25.000.000</li></ul> |

**KHÁCH HÀNG ĐƯỢC HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO ĐẦU TƯ  
TỪ CÁC QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ ĐÃ LỰA CHỌN**

Họ và tên TVTC: HANWHA LIFE VIETNAM 01  
Số chứng chỉ đại lý bảo hiểm cơ bản:  
Số chứng chỉ đại lý bảo hiểm liên kết đơn vị:

Mã số TVTC: 90000031

Minh Họa số: 102025-000288  
Ngày : 02/10/2025 16:56  
Trang : 5/25

2. QUYỀN LỢI ĐẦU TƯ

**2.1. Quyền lợi đầu tư và các rủi ro đầu tư:** Khi tham gia sản phẩm bảo hiểm Liên kết đơn vị **Đồng Hành Sống Thỏa Chất**, Khách hàng có cơ hội gia tăng Giá trị tài khoản hợp đồng thông qua kênh đầu tư hiệu quả từ 04 Quỹ liên kết đơn vị với danh mục tài sản đa dạng. Khách hàng cũng có thể chủ động đầu tư thêm bằng Phí bảo hiểm đóng thêm, chủ động chỉ định, thay đổi Tỷ lệ đầu tư hoặc linh động chuyển đổi Quỹ tùy thuộc vào nhu cầu cá nhân.

Bên cạnh lợi nhuận, thì rủi ro cũng là yếu tố hoàn toàn có thể xảy ra. Dựa trên kết quả đầu tư thực tế, Khách hàng được hưởng tất cả lợi nhuận và cũng sẽ chịu mọi rủi ro đầu tư từ các Quỹ liên kết đơn vị đã lựa chọn. Kết quả hoạt động của Quỹ liên kết đơn vị là **KHÔNG ĐƯỢC BẢO ĐẢM**.

**Điều kiện nhận quyền lợi đầu tư:** Khách hàng sẽ nhận được Giá trị tài khoản hợp đồng trừ đi Phí chấm dứt hợp đồng trước hạn và các Khoản nợ (nếu có) khi Hợp đồng bảo hiểm chấm dứt hiệu lực được quy định cụ thể trong Quy tắc và Điều khoản sản phẩm bảo hiểm Liên kết đơn vị **Đồng Hành Sống Thỏa Chất**.

Giá trị tài khoản hợp đồng thực tế tùy thuộc vào các yếu tố như: mức lãi suất đầu tư thực tế của Quỹ liên kết đơn vị (**KHÔNG ĐƯỢC BẢO ĐẢM**), Phí bảo hiểm thực đóng và số tiền rút ra thực tế từ Giá trị tài khoản hợp đồng, vì vậy Giá trị tài khoản hợp đồng thực tế có thể cao hơn hoặc thấp hơn so với giá trị thể hiện ở Tài liệu minh họa bán hàng này.

**2.2. Tỷ suất đầu tư dự kiến:** Là Tỷ suất đầu tư minh họa tại các Quỹ liên kết đơn vị và chỉ mang tính tham khảo, sẽ có thể tăng hoặc giảm tùy thuộc vào kết quả đầu tư thực tế của các Quỹ liên kết đơn vị và không có ý nghĩa là mức tỷ suất này được đảm bảo cho Khách hàng trong tương lai.

2.3. Thông tin các Quỹ liên kết đơn vị Khách hàng lựa chọn

| Quỹ liên kết đơn vị                                       | Quỹ Tăng trưởng chiến lược | Quỹ Tăng trưởng | Quỹ Cổ phiếu hàng đầu | Quỹ Bền vững |
|-----------------------------------------------------------|----------------------------|-----------------|-----------------------|--------------|
| Tỷ lệ phân bổ phí đem đi đầu tư từ Phí bảo hiểm cơ bản    | 100%                       | 0%              | 0%                    | 0%           |
| Tỷ lệ phân bổ phí đem đi đầu tư từ Phí bảo hiểm đóng thêm | 100%                       | 0%              | 0%                    | 0%           |

**KHÁCH HÀNG ĐƯỢC HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO ĐẦU TƯ  
TỪ CÁC QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ ĐÃ LỰA CHỌN**

Họ và tên TVTC: HANWHA LIFE VIETNAM 01  
Số chứng chỉ đại lý bảo hiểm cơ bản:  
Số chứng chỉ đại lý bảo hiểm liên kết đơn vị:

Mã số TVTC: 90000031

Minh Họa số: 102025-000288  
Ngày : 02/10/2025 16:56  
Trang : 6/25

3. QUYỀN LỢI ĐÁO HẠN VÀ THƯỜNG KHÁC

| Quyền lợi                               | Thời điểm chi trả                                  | Tỷ lệ chi trả                                                                                   | Điều kiện nhận quyền lợi                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
|-----------------------------------------|----------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Quyền lợi<br>Thưởng duy trì<br>hợp đồng | Ngày kỷ niệm năm hợp<br>đồng lần thứ 10, 15 và 20. | 05% của Giá trị tài khoản cơ<br>bản trung bình của 60 tháng<br>liền kề trước thời điểm chi trả. | Trong suốt thời gian xem xét chi trả phải đáp ứng tất cả các điều<br>kiện sau: <ul style="list-style-type: none"><li>• Phí bảo hiểm cơ bản được đóng đầy đủ kể từ Ngày hợp đồng<br/>bảo hiểm bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày liền kề trước thời<br/>điểm chi trả; và</li><li>• Sản phẩm bảo hiểm này chưa từng bị mất hiệu lực trong thời<br/>gian xem xét chi trả; và</li><li>• Không có bất kỳ giao dịch rút tiền từ Giá trị tài khoản cơ bản<br/>(bao gồm cả trường hợp rút tiền từ Giá trị tài khoản cơ bản<br/>để đóng Phí bảo hiểm, nếu có) trong thời gian xem xét chi trả.</li></ul> <i>(Thời gian xem xét chi trả là 10 Năm hợp đồng đầu tiên và mỗi<br/>05 Năm hợp đồng sau đó liền kề trước thời điểm chi trả)</i> |
| Quyền lợi<br>Thưởng đặc biệt            | Ngày kỷ niệm năm hợp<br>đồng lần thứ 20.           | 150% của Phí bảo hiểm cơ<br>bản quy năm của Năm hợp<br>đồng đầu tiên.                           | Từ Ngày hợp đồng bảo hiểm bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày<br>liền kề trước Ngày kỷ niệm năm hợp đồng lần thứ 20 phải đáp<br>ứng tất cả các điều kiện sau: <ul style="list-style-type: none"><li>• Phí bảo hiểm cơ bản được đóng đầy đủ và đúng hạn; và</li><li>• Sản phẩm bảo hiểm này chưa từng bị mất hiệu lực; và</li><li>• Không có bất kỳ giao dịch rút tiền từ Giá trị tài khoản cơ bản<br/>(bao gồm cả trường hợp rút tiền từ Giá trị tài khoản cơ bản<br/>để đóng Phí bảo hiểm, nếu có); và</li><li>• Không phát sinh giao dịch giảm Số tiền bảo hiểm của sản<br/>phẩm bảo hiểm này.</li></ul>                                                                                                                        |

KHÁCH HÀNG ĐƯỢC HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO ĐẦU TƯ  
TỪ CÁC QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ ĐÃ LỰA CHỌN

Họ và tên TVTC: HANWHA LIFE VIETNAM 01  
Số chứng chỉ đại lý bảo hiểm cơ bản:  
Số chứng chỉ đại lý bảo hiểm liên kết đơn vị:

Mã số TVTC: 90000031

Minh Họa số: 102025-000288  
Ngày : 02/10/2025 16:56  
Trang : 7/25

|                   |                                          |                                                                                     |                                                              |
|-------------------|------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|
| Quyền lợi đáo hạn | Ngay sau Ngày đáo hạn Hợp đồng bảo hiểm. | Toàn bộ Giá trị tài khoản hợp đồng tại Ngày định giá kế tiếp ngay sau Ngày đáo hạn. | Sản phẩm bảo hiểm này còn hiệu lực cho đến hết Ngày đáo hạn. |
|-------------------|------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|

ĐIỀU KHOẢN LOẠI TRỪ

Thông tin chi tiết về Các điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm được quy định cụ thể trong Quy tắc và Điều khoản của từng sản phẩm bảo hiểm. Quý khách vui lòng tham khảo Quy tắc và Điều khoản của các sản phẩm bảo hiểm tại website: <https://www.hanwhalife.com.vn/vi/documents>.

MUA BÁN ĐƠN VỊ QUỸ

1. Mua và bán các Đơn vị quỹ

Số lượng Đơn vị quỹ sẽ tăng giảm từ các nghiệp vụ mua mới hoặc bán các Đơn vị quỹ như sau:

- a) Các trường hợp liên quan đến việc mua mới các Đơn vị quỹ:
  - Phân bổ Phí bảo hiểm cơ bản;
  - Phân bổ phí bảo hiểm đóng thêm;
  - Nhận Quyền lợi Thưởng duy trì hợp đồng;
  - Nhận Quyền lợi Thưởng đặc biệt;
  - Chuyển từ Quỹ này sang Quỹ khác.
- b) Các trường hợp liên quan đến việc bán các Đơn vị quỹ:
  - Chuyển từ Quỹ này sang Quỹ khác;
  - Trả Phí rủi ro, Phí quản lý hợp đồng, các loại chi phí khác cần bán các Đơn vị quỹ và các Khoản nợ;
  - Thanh toán Quyền lợi bảo hiểm;
  - Rút một phần hoặc toàn bộ Giá trị tài khoản hợp đồng;
  - Chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm trước hạn;
  - Hợp đồng bảo hiểm mất hiệu lực.

Tất cả các giao dịch mua hoặc bán các Đơn vị quỹ đều sử dụng Giá đơn vị quỹ được xác định tại Ngày định giá kế tiếp ngay sau ngày các yêu cầu được chấp thuận hoặc ngay sau ngày có các giao dịch có liên quan đến mua hoặc bán Đơn vị quỹ.

KHÁCH HÀNG ĐƯỢC HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO ĐẦU TƯ  
TỪ CÁC QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ ĐÃ LỰA CHỌN

|                                               |                      |                            |
|-----------------------------------------------|----------------------|----------------------------|
| Họ và tên TVTC: HANWHA LIFE VIETNAM 01        | Mã số TVTC: 90000031 | Minh Họa số: 102025-000288 |
| Số chứng chỉ đại lý bảo hiểm cơ bản:          |                      | Ngày : 02/10/2025 16:56    |
| Số chứng chỉ đại lý bảo hiểm liên kết đơn vị: |                      | Trang : 8/25               |

2. **Ngày định giá:** là ngày Hanwha Life Việt Nam tiến hành xác định Giá đơn vị quỹ của Quỹ liên kết đơn vị theo định kỳ do Hanwha Life Việt Nam quy định, tối thiểu một tuần một lần theo quy định của pháp luật hiện hành, cụ thể là ngày thứ Năm hàng tuần và được công bố trên website: <https://www.hanwhalife.com.vn/>.

3. Trường hợp Ngày định giá trùng với ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định pháp luật, Hanwha Life Việt Nam thực hiện xác định Ngày định giá vào ngày làm việc liền sau ngày nghỉ, ngày lễ đó.

4. Thông tin về các khoản phí

4.1. **Phí ban đầu:** Là khoản phí mà Hanwha Life Việt Nam được phép khấu trừ trước khi Phí bảo hiểm cơ bản và Phí bảo hiểm đóng thêm được phân bổ vào các Quỹ liên kết đơn vị theo tỷ lệ phân bổ như sau:

| Năm phí bảo hiểm                             | 1    | 2    | 3    | 4    | 5    | 6-10 | 11+ |
|----------------------------------------------|------|------|------|------|------|------|-----|
| Tỷ lệ áp dụng đối với Phí bảo hiểm cơ bản    | 50%  | 30%  | 20%  | 20%  | 20%  | 2%   | 0%  |
| Tỷ lệ áp dụng đối với Phí bảo hiểm đóng thêm | 1,5% | 1,5% | 1,5% | 1,5% | 1,5% | 1,5% | 0%  |

4.2. **Phí rủi ro:** Được khấu trừ hàng tháng, để đảm bảo chi trả quyền lợi bảo hiểm rủi ro theo Hợp đồng bảo hiểm. Phí rủi ro được xác định theo tuổi đạt được, giới tính, tình trạng sức khỏe, nghề nghiệp và kết quả thẩm định của Người được bảo hiểm.

4.3. **Phí quản lý hợp đồng:** Được khấu trừ hàng tháng, để chi trả cho việc quản lý, duy trì Hợp đồng bảo hiểm.

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

| Năm                           | 2025   | 2026   | 2027   | 2028   | 2029   | 2030   | 2031   | 2032   | 2033   | 2034+  |
|-------------------------------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|
| Phí quản lý hợp đồng (/tháng) | 44.000 | 46.000 | 48.000 | 50.000 | 52.000 | 54.000 | 56.000 | 58.000 | 60.000 | 60.000 |

4.4. **Phí quản lý Quỹ:** Được dùng để chi trả cho các hoạt động đầu tư, hoạt động định giá tài sản, hoạt động giám sát và được xác định bằng tỷ lệ % giá trị tài sản ròng của Quỹ. Phí quản lý Quỹ tối đa như sau:

| Quỹ Tăng trưởng chiến lược | Quỹ Tăng trưởng | Quỹ Cổ phiếu hàng đầu | Quỹ Bền vững |
|----------------------------|-----------------|-----------------------|--------------|
| 2,5%                       | 2,5%            | 2,5%                  | 1,5%         |

4.5. **Phí chấm dứt hợp đồng trước hạn:** Là khoản chi phí Bên mua bảo hiểm phải chịu khi yêu cầu chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm trước thời hạn. Phí chấm dứt hợp đồng trước hạn tùy thuộc vào Năm hợp đồng và được tính theo tỷ lệ % trên Phí bảo hiểm cơ bản quy năm của 12 tháng liền kề trước đó.

KHÁCH HÀNG ĐƯỢC HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO ĐẦU TƯ  
TỪ CÁC QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ ĐÃ LỰA CHỌN

|                                               |                      |                            |
|-----------------------------------------------|----------------------|----------------------------|
| Họ và tên TVTC: HANWHA LIFE VIETNAM 01        | Mã số TVTC: 90000031 | Minh Họa số: 102025-000288 |
| Số chứng chỉ đại lý bảo hiểm cơ bản:          |                      | Ngày : 02/10/2025 16:56    |
| Số chứng chỉ đại lý bảo hiểm liên kết đơn vị: |                      | Trang : 9/25               |

| Năm hợp đồng | 1   | 2   | 3   | 4   | 5   | 6+ |
|--------------|-----|-----|-----|-----|-----|----|
| Tỷ lệ phí    | 60% | 60% | 60% | 30% | 20% | 0% |

- 4.6. **Phí chuyển đổi Quỹ:** khoản phí tính cho Bên mua bảo hiểm khi yêu cầu Hanwha Life Việt Nam thực hiện chuyển đổi tài sản đầu tư giữa các Quỹ liên kết đơn vị.
- Miễn phí tối đa 05 lần chuyển đổi Quỹ mỗi Năm hợp đồng;
  - Từ lần chuyển đổi thứ 06 trở đi trong mỗi Năm hợp đồng, Phí chuyển đổi Quỹ là 1% số tiền chuyển đổi nhưng không vượt quá 100.000 đồng trên một lần chuyển đổi và sẽ được trừ đi từ số tiền thu được do bán các Đơn vị quỹ của Quỹ chuyển đi trước khi mua Đơn vị quỹ của Quỹ chuyển đến
- 4.7. **Phí rút tiền từ Giá trị tài khoản cơ bản và Giá trị tài khoản đóng thêm:** Miễn phí.

MÔ TẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ

1. Thông tin các Quỹ liên kết đơn vị:

| Tên quỹ         | Công ty quản lý Quỹ                     | Mục tiêu                                                                                                                   | Chính sách, chiến lược đầu tư                                                                                                                                                                                                     | Lĩnh vực đầu tư                                                                                                                                                                             | Lợi nhuận kỳ vọng và rủi ro đầu tư |
|-----------------|-----------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|
| Quỹ Tăng trưởng | CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ VINACAPITAL | Tăng trưởng giá trị tài sản dài hạn thông qua việc đầu tư vào các cổ phiếu của các công ty có lợi thế cạnh tranh bền vững. | Đầu tư vào các công ty có tiềm năng mang lại mức tăng trưởng thu nhập hàng đầu trong các ngành tương ứng. Quỹ được quản lý chủ động và cổ phiếu đầu tư được lựa chọn dựa trên nhiều tiêu chí cơ bản nhưng ưu tiên sự tăng trưởng. | Chứng khoán trên các sàn giao dịch chứng khoán Việt Nam (chưa niêm yết hoặc đang niêm yết): 75% - 100%;<br><br>Tiền gửi các tổ chức tín dụng, Tiền và các khoản tương đương tiền: 0% - 25%. | Trung bình - Cao                   |

KHÁCH HÀNG ĐƯỢC HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO ĐẦU TƯ  
TỪ CÁC QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ ĐÃ LỰA CHỌN

| Tên quỹ                    | Công ty quản lý Quỹ                     | Mục tiêu                                                                                                                                      | Chính sách, chiến lược đầu tư                                                                                                                                                                                            | Lĩnh vực đầu tư                                                                                                                                                     | Lợi nhuận kỳ vọng và rủi ro đầu tư |
|----------------------------|-----------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|
| Quỹ Tăng trưởng chiến lược | CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ KIM VIỆT NAM   | Tối ưu hóa mục tiêu tăng trưởng và ổn định thông qua việc lựa chọn cổ phiếu kết hợp giữa tiềm năng tăng trưởng cao và tỷ suất cổ tức hấp dẫn. | Đầu tư vào các cổ phiếu có mức vốn hóa trung bình-lớn, thanh khoản cao, tỷ suất cổ tức hấp dẫn và tiềm năng tăng trưởng vượt trội.                                                                                       | Chứng khoán trên các sàn giao dịch chứng khoán Việt Nam (chưa niêm yết hoặc đang niêm yết): 80% - 100%;                                                             | Trung bình - Cao                   |
|                            |                                         |                                                                                                                                               |                                                                                                                                                                                                                          | Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng, Tiền và các khoản tương đương tiền: 0% - 20%.                                                                                    |                                    |
| Quỹ Cổ phiếu hàng đầu      | CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ VINACAPITAL | Hiệu quả đầu tư bám sát mức sinh lời thực tế của Chỉ số VN30.                                                                                 | Đầu tư vào các cổ phiếu theo tỷ trọng bám sát tương ứng với thành phần của Chỉ số VN30. Chỉ số này bao gồm cổ phiếu các công ty có giá trị vốn hóa lớn nhất, thanh khoản cao nhất và có vai trò dẫn dắt toàn thị trường. | Chứng khoán đang được niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Việt Nam trong rổ Chỉ số VN30: 90% - 100%;                                                            | Trung bình                         |
|                            |                                         |                                                                                                                                               |                                                                                                                                                                                                                          | Tiền và các khoản tương đương tiền: 0% - 10%.                                                                                                                       |                                    |
| Quỹ Bền vững               | CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ VINACAPITAL | Tạo thu nhập ổn định.                                                                                                                         | Đầu tư vào danh mục tài sản mang lại thu nhập cố định, và gia tăng giá trị ổn định theo thời gian.                                                                                                                       | Trái phiếu chính phủ, Trái phiếu chính phủ bảo lãnh, Trái phiếu chính quyền địa phương, Trái phiếu doanh nghiệp, Tiền gửi kỳ hạn và Chứng chỉ tiền gửi: 80% - 100%; | Thấp                               |
|                            |                                         |                                                                                                                                               |                                                                                                                                                                                                                          | Tiền và các khoản tương đương tiền: 0% - 20%.                                                                                                                       |                                    |

KHÁCH HÀNG ĐƯỢC HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO ĐẦU TƯ  
TỪ CÁC QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ ĐÃ LỰA CHỌN

2. Tỷ suất đầu tư thực tế của các Quỹ liên kết đơn vị:

| Tên quỹ             | Quỹ Tăng trưởng chiến lược | Quỹ Tăng trưởng | Quỹ Cổ phiếu hàng đầu | Quỹ Bền vững |
|---------------------|----------------------------|-----------------|-----------------------|--------------|
| 2021 <sup>(*)</sup> | Thành lập năm 2024         | 1,8%            | 1,4%                  | 1,3%         |
| 2022                |                            | -23,4%          | -35%                  | 6,97%        |
| 2023                |                            | 17,0%           | 12,4%                 | 8,8%         |
| 2024                | 0,8% <sup>(**)</sup>       | 23,8%           | 19,1%                 | 6,1%         |

Ghi chú:

- Kết quả hoạt động của Quỹ liên kết đơn vị trong quá khứ chỉ nhằm mục đích tham khảo và không phải là cơ sở để đảm bảo chắc chắn cho kết quả hoạt động của các Quỹ trong tương lai. Tỷ suất đầu tư thực tế có thể thay đổi (tăng hoặc giảm hoặc thậm chí có thể cho kết quả âm) qua các năm tùy vào tình hình đầu tư thực tế.
- (\*) Tỷ suất đầu tư thực tế năm 2021 được tính từ khi thành lập Quỹ ngày 13/10/2021 đến hết ngày 31/12/2021.
- (\*\*) Tỷ suất đầu tư thực tế của Quỹ Tăng trưởng chiến lược được tính từ khi thành lập Quỹ ngày 15/07/2024 đến hết ngày 31/12/2024.
- Chi tiết thông tin/báo cáo về hoạt động của các Quỹ liên kết đơn vị được thể hiện tại website: <https://www.hanwhalife.com.vn/vi/about>.

3. Biện pháp bảo vệ và gia tăng quyền lợi của Bên mua bảo hiểm:

Hanwha Life Việt Nam sẽ áp dụng các biện pháp sau đây để bảo vệ và gia tăng quyền lợi của Bên mua bảo hiểm :

- Đóng Quỹ liên kết đơn vị để chuyển đổi các tài sản sang một Quỹ liên kết đơn vị mới có cùng mục tiêu đầu tư;
- Thay đổi tên của Quỹ liên kết đơn vị;
- Chia tách hoặc sáp nhập các Đơn vị quỹ hiện có;
- Ngừng hoặc hoãn định giá Đơn vị quỹ và các giao dịch liên quan đến Hợp đồng bảo hiểm trong trường hợp Sở và/hoặc Trung tâm giao dịch chứng khoán mà Quỹ liên kết đơn vị đang đầu tư vào bị tạm thời đình chỉ giao dịch;
- Các biện pháp khác theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và theo quy định của pháp luật.

4. Tóm tắt các quyền của Bên mua bảo hiểm:

**KHÁCH HÀNG ĐƯỢC HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO ĐẦU TƯ  
TỪ CÁC QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ ĐÃ LỰA CHỌN**

Họ và tên TVTC: HANWHA LIFE VIETNAM 01  
Số chứng chỉ đại lý bảo hiểm cơ bản:  
Số chứng chỉ đại lý bảo hiểm liên kết đơn vị:

Mã số TVTC: 90000031

Minh Họa số: 102025-000288  
Ngày : 02/10/2025 16:56  
Trang : 12/25

- Chỉ định Tỷ lệ đầu tư vào từng Quỹ liên kết đơn vị;
- Yêu cầu thay đổi Tỷ lệ đầu tư vào từng Quỹ liên kết đơn vị;
- Chuyển đổi giữa các Quỹ liên kết đơn vị;
- Đóng Phí bảo hiểm đóng thêm để đầu tư bổ sung;
- Rút tiền từ Giá trị tài khoản hợp đồng;
- Các quyền khác theo quy định tại Quy tắc và Điều khoản sản phẩm.

**KHÁCH HÀNG ĐƯỢC HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO ĐẦU TƯ  
TỪ CÁC QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ ĐÃ LỰA CHỌN**

Họ và tên TVTC: HANWHA LIFE VIETNAM 01

Mã số TVTC: 90000031

Minh Họa số: 102025-000288

Số chứng chỉ đại lý bảo hiểm cơ bản:

Ngày : 02/10/2025 16:56

Số chứng chỉ đại lý bảo hiểm liên kết đơn vị:

Trang : 13/25

III. MINH HỌA THỰC TẾ VỀ PHÂN BỐ PHÍ BẢO HIỂM VÀ CÁC QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

1. TỶ SUẤT ĐẦU TƯ DỰ KIẾN

| Quỹ liên kết đơn vị | Quỹ Tăng trưởng chiến lược | Quỹ Tăng trưởng | Quỹ Cổ phiếu hàng đầu | Quỹ Bền vững |
|---------------------|----------------------------|-----------------|-----------------------|--------------|
| Tỷ suất đầu tư cao  | 9,0%                       | 9,0%            | 9,0%                  | 6,0%         |
| Tỷ suất đầu tư thấp | 2,5%                       | 2,5%            | 2,0%                  | 3,0%         |

2. GIÁ ĐƠN VỊ QUỸ

- Giá đơn vị quỹ: là giá một Đơn vị quỹ khi Hanwha Life Việt Nam thực hiện mua hoặc bán các Đơn vị quỹ. Với sản phẩm bảo hiểm Liên kết đơn vị **Đồng Hành Sống Thỏa Chất**, giá mua Đơn vị quỹ bằng với giá bán Đơn vị quỹ.
- Giá đơn vị quỹ có thể tăng hoặc giảm tùy thuộc vào kết quả đầu tư của Quỹ liên kết đơn vị.
- Giá trị của Quỹ liên kết đơn vị có thể thấp hơn số Phí bảo hiểm đem đi đầu tư và phụ thuộc vào kết quả đầu tư của từng Quỹ liên kết đơn vị.

KHÁCH HÀNG ĐƯỢC HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO ĐẦU TƯ  
TỪ CÁC QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ ĐÃ LỰA CHỌN

3. MINH HỌA TRƯỜNG HỢP KHÁCH HÀNG ĐÓNG ĐỦ PHÍ BẢO HIỂM DỰ KIẾN

3.1. MINH HỌA VỀ CÁC KHOẢN PHÍ TÍNH CHO KHÁCH HÀNG

Đơn vị tính: Nghìn đồng

| Năm<br>HĐ/<br>Tuổi<br>NDBH | Phí bảo hiểm (Phí BH) |                     |                | Phí ban đầu      |                     |                     | Phí BH đem đi đầu tư                                   |                                                           |                                 | Phí quản lý<br>hợp đồng | Phí rủi ro                |                            |
|----------------------------|-----------------------|---------------------|----------------|------------------|---------------------|---------------------|--------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|---------------------------------|-------------------------|---------------------------|----------------------------|
|                            | Phí BH cơ<br>bản      | Phí BH<br>đóng thêm | Tổng Phí<br>BH | Phí BH cơ<br>bản | Phí BH<br>đóng thêm | Tổng Phí<br>ban đầu | Phí BH cơ<br>bản sau<br>khi khấu<br>trừ Phí ban<br>đầu | Phí BH<br>đóng thêm<br>sau khi khấu<br>trừ Phí ban<br>đầu | Tổng Phí<br>BH đem đi<br>đầu tư |                         | Tại tỷ suất<br>đầu tư CAO | Tại tỷ suất<br>đầu tư THẤP |
| 1/35                       | 12.000                | -                   | 12.000         | 6.000            | -                   | 6.000               | 6.000                                                  | -                                                         | 6.000                           | 546                     | 1.817                     | 1.817                      |
| 2/36                       | 12.000                | -                   | 12.000         | 3.600            | -                   | 3.600               | 8.400                                                  | -                                                         | 8.400                           | 570                     | 1.935                     | 1.936                      |
| 3/37                       | 12.000                | -                   | 12.000         | 2.400            | -                   | 2.400               | 9.600                                                  | -                                                         | 9.600                           | 594                     | 2.064                     | 2.067                      |
| 4/38                       | 12.000                | -                   | 12.000         | 2.400            | -                   | 2.400               | 9.600                                                  | -                                                         | 9.600                           | 618                     | 2.210                     | 2.217                      |
| 5/39                       | 12.000                | -                   | 12.000         | 2.400            | -                   | 2.400               | 9.600                                                  | -                                                         | 9.600                           | 642                     | 2.375                     | 2.388                      |
| 6/40                       | 12.000                | -                   | 12.000         | 240              | -                   | 240                 | 11.760                                                 | -                                                         | 11.760                          | 666                     | 3.082                     | 3.104                      |
| 7/41                       | 12.000                | -                   | 12.000         | 240              | -                   | 240                 | 11.760                                                 | -                                                         | 11.760                          | 690                     | 3.307                     | 3.342                      |
| 8/42                       | 12.000                | -                   | 12.000         | 240              | -                   | 240                 | 11.760                                                 | -                                                         | 11.760                          | 714                     | 3.548                     | 3.601                      |
| 9/43                       | 12.000                | -                   | 12.000         | 240              | -                   | 240                 | 11.760                                                 | -                                                         | 11.760                          | 720                     | 3.799                     | 3.875                      |
| 10/44                      | 12.000                | -                   | 12.000         | 240              | -                   | 240                 | 11.760                                                 | -                                                         | 11.760                          | 720                     | 4.055                     | 4.164                      |
| 11/45                      | 12.000                | -                   | 12.000         | -                | -                   | -                   | 12.000                                                 | -                                                         | 12.000                          | 720                     | 5.110                     | 5.264                      |
| 12/46                      | 12.000                | -                   | 12.000         | -                | -                   | -                   | 12.000                                                 | -                                                         | 12.000                          | 720                     | 5.445                     | 5.653                      |
| 13/47                      | 12.000                | -                   | 12.000         | -                | -                   | -                   | 12.000                                                 | -                                                         | 12.000                          | 720                     | 5.789                     | 6.066                      |
| 14/48                      | 12.000                | -                   | 12.000         | -                | -                   | -                   | 12.000                                                 | -                                                         | 12.000                          | 720                     | 6.158                     | 6.521                      |
| 15/49                      | 12.000                | -                   | 12.000         | -                | -                   | -                   | 12.000                                                 | -                                                         | 12.000                          | 720                     | 6.551                     | 7.023                      |
| 16/50                      | 12.000                | -                   | 12.000         | -                | -                   | -                   | 12.000                                                 | -                                                         | 12.000                          | 720                     | 7.538                     | 8.170                      |
| 17/51                      | 12.000                | -                   | 12.000         | -                | -                   | -                   | 12.000                                                 | -                                                         | 12.000                          | 720                     | 8.063                     | 8.876                      |
| 18/52                      | 12.000                | -                   | 12.000         | -                | -                   | -                   | 12.000                                                 | -                                                         | 12.000                          | 720                     | 8.638                     | 9.680                      |
| 19/53                      | 12.000                | -                   | 12.000         | -                | -                   | -                   | 12.000                                                 | -                                                         | 12.000                          | 720                     | 9.246                     | 10.575                     |
| 20/54                      | 12.000                | -                   | 12.000         | -                | -                   | -                   | 12.000                                                 | -                                                         | 12.000                          | 720                     | 9.865                     | 11.548                     |

**KHÁCH HÀNG ĐƯỢC HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO ĐẦU TƯ  
TỪ CÁC QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ ĐÃ LỰA CHỌN**

Họ và tên TVTC: HANWHA LIFE VIETNAM 01

Mã số TVTC: 90000031

Minh Họa số: 102025-000288

Số chứng chỉ đại lý bảo hiểm cơ bản:

Ngày : 02/10/2025 16:56

Số chứng chỉ đại lý bảo hiểm liên kết đơn vị:

Trang : 15/25

3.2. MINH HỌA VỀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

a. Minh họa quyền lợi hợp đồng

Đơn vị tính: Nghìn đồng

| Năm hợp đồng/<br>Tuổi NĐBH | Tổng Phí BH | Quyền lợi tử vong/<br>TTTB&VV<br>đảm bảo | Mức tỷ suất đầu tư CAO<br>(KHÔNG ĐƯỢC BẢO ĐẢM) |                   |             |                  | Mức tỷ suất đầu tư THẤP<br>(KHÔNG ĐƯỢC BẢO ĐẢM) |                   |             |                  | Khoản tiền rút |
|----------------------------|-------------|------------------------------------------|------------------------------------------------|-------------------|-------------|------------------|-------------------------------------------------|-------------------|-------------|------------------|----------------|
|                            |             |                                          | Quyền lợi tử vong/<br>TTTB&VV                  | Tổng khoản thưởng | Tổng GTTKHĐ | Giá trị hoàn lại | Quyền lợi tử vong/<br>TTTB&VV                   | Tổng khoản thưởng | Tổng GTTKHĐ | Giá trị hoàn lại |                |
| 1/35                       | 12.000      | 1.000.000                                | 1.000.000                                      | -                 | 4.065       | -                | 1.000.000                                       | -                 | 3.755       | -                | -              |
| 2/36                       | 12.000      | 1.000.000                                | 1.000.000                                      | -                 | 10.963      | 3.763            | 1.000.000                                       | -                 | 9.920       | 2.720            | -              |
| 3/37                       | 12.000      | 1.000.000                                | 1.000.000                                      | -                 | 19.629      | 12.429           | 1.000.000                                       | -                 | 17.311      | 10.111           | -              |
| 4/38                       | 12.000      | 1.000.000                                | 1.000.000                                      | -                 | 28.898      | 25.298           | 1.000.000                                       | -                 | 24.711      | 21.111           | -              |
| 5/39                       | 12.000      | 1.000.000                                | 1.000.000                                      | -                 | 38.802      | 36.402           | 1.000.000                                       | -                 | 32.098      | 29.698           | -              |
| 6/40                       | 12.000      | 1.200.000                                | 1.200.000                                      | -                 | 51.187      | 51.187           | 1.200.000                                       | -                 | 41.134      | 41.134           | -              |
| 7/41                       | 12.000      | 1.200.000                                | 1.200.000                                      | -                 | 64.425      | 64.425           | 1.200.000                                       | -                 | 50.131      | 50.131           | -              |
| 8/42                       | 12.000      | 1.200.000                                | 1.200.000                                      | -                 | 78.578      | 78.578           | 1.200.000                                       | -                 | 59.066      | 59.066           | -              |
| 9/43                       | 12.000      | 1.200.000                                | 1.200.000                                      | -                 | 93.734      | 93.734           | 1.200.000                                       | -                 | 67.940      | 67.940           | -              |
| 10/44                      | 12.000      | 1.200.000                                | 1.200.000                                      | 3.923             | 113.909     | 113.909          | 1.200.000                                       | 3.017             | 79.761      | 79.761           | -              |
| 11/45                      | 12.000      | 1.400.000                                | 1.400.000                                      | -                 | 131.134     | 131.134          | 1.400.000                                       | -                 | 87.991      | 87.991           | -              |
| 12/46                      | 12.000      | 1.400.000                                | 1.400.000                                      | -                 | 149.558     | 149.558          | 1.400.000                                       | -                 | 96.034      | 96.034           | -              |
| 13/47                      | 12.000      | 1.400.000                                | 1.400.000                                      | -                 | 169.280     | 169.280          | 1.400.000                                       | -                 | 103.858     | 103.858          | -              |
| 14/48                      | 12.000      | 1.400.000                                | 1.400.000                                      | -                 | 190.390     | 190.390          | 1.400.000                                       | -                 | 111.417     | 111.417          | -              |
| 15/49                      | 12.000      | 1.400.000                                | 1.400.000                                      | 8.354             | 221.342     | 221.342          | 1.400.000                                       | 5.279             | 123.935     | 123.935          | -              |
| 16/50                      | 12.000      | 1.500.000                                | 1.500.000                                      | -                 | 245.692     | 245.692          | 1.500.000                                       | -                 | 130.325     | 130.325          | -              |
| 17/51                      | 12.000      | 1.500.000                                | 1.500.000                                      | -                 | 271.684     | 271.684          | 1.500.000                                       | -                 | 136.160     | 136.160          | -              |
| 18/52                      | 12.000      | 1.500.000                                | 1.500.000                                      | -                 | 299.414     | 299.414          | 1.500.000                                       | -                 | 141.326     | 141.326          | -              |
| 19/53                      | 12.000      | 1.500.000                                | 1.500.000                                      | -                 | 329.002     | 329.002          | 1.500.000                                       | -                 | 145.714     | 145.714          | -              |
| 20/54                      | 12.000      | 1.500.000                                | 1.500.000                                      | 32.698            | 393.303     | 393.303          | 1.500.000                                       | 25.192            | 174.418     | 174.418          | -              |

**KHÁCH HÀNG ĐƯỢC HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO ĐẦU TƯ  
TỪ CÁC QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ ĐÃ LỰA CHỌN**

Họ và tên TVTC: HANWHA LIFE VIETNAM 01

Mã số TVTC: 90000031

Minh Họa số: 102025-000288

Số chứng chỉ đại lý bảo hiểm cơ bản:

Ngày : 02/10/2025 16:56

Số chứng chỉ đại lý bảo hiểm liên kết đơn vị:

Trang : 16/25

b. Minh họa về quyền lợi đầu tư

Đơn vị tính: Nghìn đồng

| Năm hợp đồng/<br>Tuổi NĐBH | Tổng Phí BH đem đi đầu tư | Mức tỷ suất đầu tư CAO (KHÔNG ĐƯỢC BẢO ĐẢM) |                            |                       |              |                             |                            |                       |              |                                                |                            |                       |              |
|----------------------------|---------------------------|---------------------------------------------|----------------------------|-----------------------|--------------|-----------------------------|----------------------------|-----------------------|--------------|------------------------------------------------|----------------------------|-----------------------|--------------|
|                            |                           | Giá trị tài khoản cơ bản                    |                            |                       |              | Giá trị tài khoản đóng thêm |                            |                       |              | Tổng khoản thưởng vào Giá trị tài khoản cơ bản |                            |                       |              |
|                            |                           | Quỹ Tăng trưởng                             | Quỹ Tăng trưởng chiến lược | Quỹ Cổ phiếu hàng đầu | Quỹ Bền vững | Quỹ Tăng trưởng             | Quỹ Tăng trưởng chiến lược | Quỹ Cổ phiếu hàng đầu | Quỹ Bền vững | Quỹ Tăng trưởng                                | Quỹ Tăng trưởng chiến lược | Quỹ Cổ phiếu hàng đầu | Quỹ Bền vững |
| 1/35                       | 6.000                     | -                                           | 4.065                      | -                     | -            | -                           | -                          | -                     | -            | -                                              | -                          | -                     | -            |
| 2/36                       | 8.400                     | -                                           | 10.963                     | -                     | -            | -                           | -                          | -                     | -            | -                                              | -                          | -                     | -            |
| 3/37                       | 9.600                     | -                                           | 19.629                     | -                     | -            | -                           | -                          | -                     | -            | -                                              | -                          | -                     | -            |
| 4/38                       | 9.600                     | -                                           | 28.898                     | -                     | -            | -                           | -                          | -                     | -            | -                                              | -                          | -                     | -            |
| 5/39                       | 9.600                     | -                                           | 38.802                     | -                     | -            | -                           | -                          | -                     | -            | -                                              | -                          | -                     | -            |
| 6/40                       | 11.760                    | -                                           | 51.187                     | -                     | -            | -                           | -                          | -                     | -            | -                                              | -                          | -                     | -            |
| 7/41                       | 11.760                    | -                                           | 64.425                     | -                     | -            | -                           | -                          | -                     | -            | -                                              | -                          | -                     | -            |
| 8/42                       | 11.760                    | -                                           | 78.578                     | -                     | -            | -                           | -                          | -                     | -            | -                                              | -                          | -                     | -            |
| 9/43                       | 11.760                    | -                                           | 93.734                     | -                     | -            | -                           | -                          | -                     | -            | -                                              | -                          | -                     | -            |
| 10/44                      | 11.760                    | -                                           | 113.909                    | -                     | -            | -                           | -                          | -                     | -            | -                                              | 3.923                      | -                     | -            |
| 11/45                      | 12.000                    | -                                           | 131.134                    | -                     | -            | -                           | -                          | -                     | -            | -                                              | -                          | -                     | -            |
| 12/46                      | 12.000                    | -                                           | 149.558                    | -                     | -            | -                           | -                          | -                     | -            | -                                              | -                          | -                     | -            |
| 13/47                      | 12.000                    | -                                           | 169.280                    | -                     | -            | -                           | -                          | -                     | -            | -                                              | -                          | -                     | -            |
| 14/48                      | 12.000                    | -                                           | 190.390                    | -                     | -            | -                           | -                          | -                     | -            | -                                              | -                          | -                     | -            |
| 15/49                      | 12.000                    | -                                           | 221.342                    | -                     | -            | -                           | -                          | -                     | -            | -                                              | 8.354                      | -                     | -            |
| 16/50                      | 12.000                    | -                                           | 245.692                    | -                     | -            | -                           | -                          | -                     | -            | -                                              | -                          | -                     | -            |
| 17/51                      | 12.000                    | -                                           | 271.684                    | -                     | -            | -                           | -                          | -                     | -            | -                                              | -                          | -                     | -            |
| 18/52                      | 12.000                    | -                                           | 299.414                    | -                     | -            | -                           | -                          | -                     | -            | -                                              | -                          | -                     | -            |
| 19/53                      | 12.000                    | -                                           | 329.002                    | -                     | -            | -                           | -                          | -                     | -            | -                                              | -                          | -                     | -            |
| 20/54                      | 12.000                    | -                                           | 393.303                    | -                     | -            | -                           | -                          | -                     | -            | -                                              | 32.698                     | -                     | -            |

**KHÁCH HÀNG ĐƯỢC HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO ĐẦU TƯ  
TỪ CÁC QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ ĐÃ LỰA CHỌN**

Đơn vị tính: Nghìn đồng

| Năm hợp đồng/<br>Tuổi NĐBH | Tổng Phí BH đem đi đầu tư | Mức tỷ suất đầu tư THẤP (KHÔNG ĐƯỢC BẢO ĐẢM) |                            |                       |              |                             |                            |                       |              |                                                |                            |                       |              |
|----------------------------|---------------------------|----------------------------------------------|----------------------------|-----------------------|--------------|-----------------------------|----------------------------|-----------------------|--------------|------------------------------------------------|----------------------------|-----------------------|--------------|
|                            |                           | Giá trị tài khoản cơ bản                     |                            |                       |              | Giá trị tài khoản đóng thêm |                            |                       |              | Tổng khoản thưởng vào Giá trị tài khoản cơ bản |                            |                       |              |
|                            |                           | Quỹ Tăng trưởng                              | Quỹ Tăng trưởng chiến lược | Quỹ Cổ phiếu hàng đầu | Quỹ Bền vững | Quỹ Tăng trưởng             | Quỹ Tăng trưởng chiến lược | Quỹ Cổ phiếu hàng đầu | Quỹ Bền vững | Quỹ Tăng trưởng                                | Quỹ Tăng trưởng chiến lược | Quỹ Cổ phiếu hàng đầu | Quỹ Bền vững |
| 1/35                       | 6.000                     | -                                            | 3.755                      | -                     | -            | -                           | -                          | -                     | -            | -                                              | -                          | -                     | -            |
| 2/36                       | 8.400                     | -                                            | 9.920                      | -                     | -            | -                           | -                          | -                     | -            | -                                              | -                          | -                     | -            |
| 3/37                       | 9.600                     | -                                            | 17.311                     | -                     | -            | -                           | -                          | -                     | -            | -                                              | -                          | -                     | -            |
| 4/38                       | 9.600                     | -                                            | 24.711                     | -                     | -            | -                           | -                          | -                     | -            | -                                              | -                          | -                     | -            |
| 5/39                       | 9.600                     | -                                            | 32.098                     | -                     | -            | -                           | -                          | -                     | -            | -                                              | -                          | -                     | -            |
| 6/40                       | 11.760                    | -                                            | 41.134                     | -                     | -            | -                           | -                          | -                     | -            | -                                              | -                          | -                     | -            |
| 7/41                       | 11.760                    | -                                            | 50.131                     | -                     | -            | -                           | -                          | -                     | -            | -                                              | -                          | -                     | -            |
| 8/42                       | 11.760                    | -                                            | 59.066                     | -                     | -            | -                           | -                          | -                     | -            | -                                              | -                          | -                     | -            |
| 9/43                       | 11.760                    | -                                            | 67.940                     | -                     | -            | -                           | -                          | -                     | -            | -                                              | -                          | -                     | -            |
| 10/44                      | 11.760                    | -                                            | 79.761                     | -                     | -            | -                           | -                          | -                     | -            | -                                              | 3.017                      | -                     | -            |
| 11/45                      | 12.000                    | -                                            | 87.991                     | -                     | -            | -                           | -                          | -                     | -            | -                                              | -                          | -                     | -            |
| 12/46                      | 12.000                    | -                                            | 96.034                     | -                     | -            | -                           | -                          | -                     | -            | -                                              | -                          | -                     | -            |
| 13/47                      | 12.000                    | -                                            | 103.858                    | -                     | -            | -                           | -                          | -                     | -            | -                                              | -                          | -                     | -            |
| 14/48                      | 12.000                    | -                                            | 111.417                    | -                     | -            | -                           | -                          | -                     | -            | -                                              | -                          | -                     | -            |
| 15/49                      | 12.000                    | -                                            | 123.935                    | -                     | -            | -                           | -                          | -                     | -            | -                                              | 5.279                      | -                     | -            |
| 16/50                      | 12.000                    | -                                            | 130.325                    | -                     | -            | -                           | -                          | -                     | -            | -                                              | -                          | -                     | -            |
| 17/51                      | 12.000                    | -                                            | 136.160                    | -                     | -            | -                           | -                          | -                     | -            | -                                              | -                          | -                     | -            |
| 18/52                      | 12.000                    | -                                            | 141.326                    | -                     | -            | -                           | -                          | -                     | -            | -                                              | -                          | -                     | -            |
| 19/53                      | 12.000                    | -                                            | 145.714                    | -                     | -            | -                           | -                          | -                     | -            | -                                              | -                          | -                     | -            |
| 20/54                      | 12.000                    | -                                            | 174.418                    | -                     | -            | -                           | -                          | -                     | -            | -                                              | 25.192                     | -                     | -            |

**KHÁCH HÀNG ĐƯỢC HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO ĐẦU TƯ  
TỪ CÁC QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ ĐÃ LỰA CHỌN**

Họ và tên TVTC: HANWHA LIFE VIETNAM 01

Mã số TVTC: 90000031

Minh Họa số: 102025-000288

Số chứng chỉ đại lý bảo hiểm cơ bản:

Ngày : 02/10/2025 16:56

Số chứng chỉ đại lý bảo hiểm liên kết đơn vị:

Trang : 18/25

4. MINH HỌA TRƯỜNG HỢP KHÁCH HÀNG ĐÓNG PHÍ BẢO HIỂM TRONG THỜI HẠN ĐÓNG PHÍ BẮT BUỘC

4.1. MINH HỌA VỀ CÁC KHOẢN PHÍ TÍNH CHO KHÁCH HÀNG

Đơn vị tính: Nghìn đồng

| Năm<br>HĐ/<br>Tuổi<br>NĐBH | Phí bảo hiểm (Phí BH) |                     |                | Phí ban đầu      |                     |                     | Phí BH đem đi đầu tư                                   |                                                           |                                 | Phí quản lý<br>hợp đồng | Phí rủi ro                |                            |
|----------------------------|-----------------------|---------------------|----------------|------------------|---------------------|---------------------|--------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|---------------------------------|-------------------------|---------------------------|----------------------------|
|                            | Phí BH cơ<br>bản      | Phí BH<br>đóng thêm | Tổng Phí<br>BH | Phí BH cơ<br>bản | Phí BH<br>đóng thêm | Tổng Phí<br>ban đầu | Phí BH cơ<br>bản sau<br>khi khấu<br>trừ Phí ban<br>đầu | Phí BH<br>đóng thêm<br>sau khi khấu<br>trừ Phí ban<br>đầu | Tổng Phí<br>BH đem đi<br>đầu tư |                         | Tại tỷ suất<br>đầu tư CAO | Tại tỷ suất<br>đầu tư THẤP |
| 1/35                       | 12.000                | -                   | 12.000         | 6.000            | -                   | 6.000               | 6.000                                                  | -                                                         | 6.000                           | 546                     | 1.817                     | 1.817                      |
| 2/36                       | 12.000                | -                   | 12.000         | 3.600            | -                   | 3.600               | 8.400                                                  | -                                                         | 8.400                           | 570                     | 1.935                     | 1.936                      |
| 3/37                       | 12.000                | -                   | 12.000         | 2.400            | -                   | 2.400               | 9.600                                                  | -                                                         | 9.600                           | 594                     | 2.064                     | 2.067                      |
| 4/38                       | -                     | -                   | -              | -                | -                   | -                   | -                                                      | -                                                         | -                               | 618                     | 2.233                     | 2.239                      |
| 5/39                       | -                     | -                   | -              | -                | -                   | -                   | -                                                      | -                                                         | -                               | 642                     | 2.426                     | 2.437                      |
| 6/40                       | -                     | -                   | -              | -                | -                   | -                   | -                                                      | -                                                         | -                               | 666                     | 3.176                     | 3.191                      |
| 7/41                       | -                     | -                   | -              | -                | -                   | -                   | -                                                      | -                                                         | -                               | 690                     | 3.454                     | 3.473                      |
| 8/42                       | -                     | -                   | -              | -                | -                   | -                   | -                                                      | -                                                         | -                               | 714                     | 3.762                     | 3.784                      |
| 9/43                       | -                     | -                   | -              | -                | -                   | -                   | -                                                      | -                                                         | -                               | 720                     | 4.094                     | 322                        |
| 10/44                      | -                     | -                   | -              | -                | -                   | -                   | -                                                      | -                                                         | -                               | 480                     | 2.936                     | -                          |
| 11/45                      | -                     | -                   | -              | -                | -                   | -                   | -                                                      | -                                                         | -                               | -                       | -                         | -                          |
| 12/46                      | -                     | -                   | -              | -                | -                   | -                   | -                                                      | -                                                         | -                               | -                       | -                         | -                          |
| 13/47                      | -                     | -                   | -              | -                | -                   | -                   | -                                                      | -                                                         | -                               | -                       | -                         | -                          |
| 14/48                      | -                     | -                   | -              | -                | -                   | -                   | -                                                      | -                                                         | -                               | -                       | -                         | -                          |
| 15/49                      | -                     | -                   | -              | -                | -                   | -                   | -                                                      | -                                                         | -                               | -                       | -                         | -                          |
| 16/50                      | -                     | -                   | -              | -                | -                   | -                   | -                                                      | -                                                         | -                               | -                       | -                         | -                          |
| 17/51                      | -                     | -                   | -              | -                | -                   | -                   | -                                                      | -                                                         | -                               | -                       | -                         | -                          |
| 18/52                      | -                     | -                   | -              | -                | -                   | -                   | -                                                      | -                                                         | -                               | -                       | -                         | -                          |
| 19/53                      | -                     | -                   | -              | -                | -                   | -                   | -                                                      | -                                                         | -                               | -                       | -                         | -                          |
| 20/54                      | -                     | -                   | -              | -                | -                   | -                   | -                                                      | -                                                         | -                               | -                       | -                         | -                          |

KHÁCH HÀNG ĐƯỢC HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO ĐẦU TƯ  
TỪ CÁC QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ ĐÃ LỰA CHỌN

Họ và tên TVTC: HANWHA LIFE VIETNAM 01

Mã số TVTC: 90000031

Minh Họa số: 102025-000288

Số chứng chỉ đại lý bảo hiểm cơ bản:

Ngày : 02/10/2025 16:56

Số chứng chỉ đại lý bảo hiểm liên kết đơn vị:

Trang : 19/25

4.2. MINH HỌA VỀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

a. Minh họa quyền lợi hợp đồng

Đơn vị tính: Nghìn đồng

| Năm hợp đồng/<br>Tuổi NĐBH | Tổng Phí BH | Quyền lợi tử vong/<br>TTTB&VV<br>đảm bảo | Mức tỷ suất đầu tư CAO<br>(KHÔNG ĐƯỢC BẢO ĐẢM) |                   |             |                  | Mức tỷ suất đầu tư THẤP<br>(KHÔNG ĐƯỢC BẢO ĐẢM) |                   |             |                  | Khoản tiền rút |
|----------------------------|-------------|------------------------------------------|------------------------------------------------|-------------------|-------------|------------------|-------------------------------------------------|-------------------|-------------|------------------|----------------|
|                            |             |                                          | Quyền lợi tử vong/<br>TTTB&VV                  | Tổng khoản thưởng | Tổng GTTKHĐ | Giá trị hoàn lại | Quyền lợi tử vong/<br>TTTB&VV                   | Tổng khoản thưởng | Tổng GTTKHĐ | Giá trị hoàn lại |                |
| 1/35                       | 12.000      | 1.000.000                                | 1.000.000                                      | -                 | 4.065       | -                | 1.000.000                                       | -                 | 3.755       | -                | -              |
| 2/36                       | 12.000      | 1.000.000                                | 1.000.000                                      | -                 | 10.963      | 3.763            | 1.000.000                                       | -                 | 9.920       | 2.720            | -              |
| 3/37                       | 12.000      | 1.000.000                                | 1.000.000                                      | -                 | 19.629      | 12.429           | 1.000.000                                       | -                 | 17.311      | 10.111           | -              |
| 4/38                       | -           | 1.000.000                                | 1.000.000                                      | -                 | 18.410      | 14.810           | 1.000.000                                       | -                 | 14.848      | 11.248           | -              |
| 5/39                       | -           | 1.000.000                                | 1.000.000                                      | -                 | 16.852      | 14.452           | 1.000.000                                       | -                 | 12.100      | 9.700            | -              |
| 6/40                       | -           | 1.200.000                                | 1.200.000                                      | -                 | 14.344      | 14.344           | 1.200.000                                       | -                 | 8.495       | 8.495            | -              |
| 7/41                       | -           | 1.200.000                                | 1.200.000                                      | -                 | 11.294      | 11.294           | 1.200.000                                       | -                 | 4.489       | 4.489            | -              |
| 8/42                       | -           | 1.200.000                                | 1.200.000                                      | -                 | 7.623       | 7.623            | 1.200.000                                       | -                 | 43          | 43               | -              |
| 9/43                       | -           | 1.200.000                                | 1.200.000                                      | -                 | 3.265       | 3.265            | -                                               | -                 | -(*)        | -                | -              |
| 10/44                      | -           | -                                        | -                                              | -                 | -(*)        | -                | -                                               | -                 | -           | -                | -              |
| 11/45                      | -           | -                                        | -                                              | -                 | -           | -                | -                                               | -                 | -           | -                | -              |
| 12/46                      | -           | -                                        | -                                              | -                 | -           | -                | -                                               | -                 | -           | -                | -              |
| 13/47                      | -           | -                                        | -                                              | -                 | -           | -                | -                                               | -                 | -           | -                | -              |
| 14/48                      | -           | -                                        | -                                              | -                 | -           | -                | -                                               | -                 | -           | -                | -              |
| 15/49                      | -           | -                                        | -                                              | -                 | -           | -                | -                                               | -                 | -           | -                | -              |
| 16/50                      | -           | -                                        | -                                              | -                 | -           | -                | -                                               | -                 | -           | -                | -              |
| 17/51                      | -           | -                                        | -                                              | -                 | -           | -                | -                                               | -                 | -           | -                | -              |
| 18/52                      | -           | -                                        | -                                              | -                 | -           | -                | -                                               | -                 | -           | -                | -              |
| 19/53                      | -           | -                                        | -                                              | -                 | -           | -                | -                                               | -                 | -           | -                | -              |
| 20/54                      | -           | -                                        | -                                              | -                 | -           | -                | -                                               | -                 | -           | -                | -              |

(\*) Kể từ thời điểm này, Hợp đồng bảo hiểm sẽ mất hiệu lực do Giá trị tài khoản hợp đồng bé hơn hoặc bằng 0.

KHÁCH HÀNG ĐƯỢC HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO ĐẦU TƯ  
TỪ CÁC QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ ĐÃ LỰA CHỌN

b. Minh họa về quyền lợi đầu tư

Đơn vị tính: Nghìn đồng

| Năm<br>hợp<br>đồng/<br>Tuổi<br>NDBH | Tổng<br>Phí BH<br>đem đi<br>đầu tư | Mức tỷ suất đầu tư CAO (KHÔNG ĐƯỢC BẢO ĐẢM) |                            |                       |              |                             |                            |                       |              |                                                |                            |                       |              |
|-------------------------------------|------------------------------------|---------------------------------------------|----------------------------|-----------------------|--------------|-----------------------------|----------------------------|-----------------------|--------------|------------------------------------------------|----------------------------|-----------------------|--------------|
|                                     |                                    | Giá trị tài khoản cơ bản                    |                            |                       |              | Giá trị tài khoản đóng thêm |                            |                       |              | Tổng khoản thưởng vào Giá trị tài khoản cơ bản |                            |                       |              |
|                                     |                                    | Quỹ Tăng trưởng                             | Quỹ Tăng trưởng chiến lược | Quỹ Cổ phiếu hàng đầu | Quỹ Bền vững | Quỹ Tăng trưởng             | Quỹ Tăng trưởng chiến lược | Quỹ Cổ phiếu hàng đầu | Quỹ Bền vững | Quỹ Tăng trưởng                                | Quỹ Tăng trưởng chiến lược | Quỹ Cổ phiếu hàng đầu | Quỹ Bền vững |
| 1/35                                | 6.000                              | -                                           | 4.065                      | -                     | -            | -                           | -                          | -                     | -            | -                                              | -                          | -                     | -            |
| 2/36                                | 8.400                              | -                                           | 10.963                     | -                     | -            | -                           | -                          | -                     | -            | -                                              | -                          | -                     | -            |
| 3/37                                | 9.600                              | -                                           | 19.629                     | -                     | -            | -                           | -                          | -                     | -            | -                                              | -                          | -                     | -            |
| 4/38                                | -                                  | -                                           | 18.410                     | -                     | -            | -                           | -                          | -                     | -            | -                                              | -                          | -                     | -            |
| 5/39                                | -                                  | -                                           | 16.852                     | -                     | -            | -                           | -                          | -                     | -            | -                                              | -                          | -                     | -            |
| 6/40                                | -                                  | -                                           | 14.344                     | -                     | -            | -                           | -                          | -                     | -            | -                                              | -                          | -                     | -            |
| 7/41                                | -                                  | -                                           | 11.294                     | -                     | -            | -                           | -                          | -                     | -            | -                                              | -                          | -                     | -            |
| 8/42                                | -                                  | -                                           | 7.623                      | -                     | -            | -                           | -                          | -                     | -            | -                                              | -                          | -                     | -            |
| 9/43                                | -                                  | -                                           | 3.265                      | -                     | -            | -                           | -                          | -                     | -            | -                                              | -                          | -                     | -            |
| 10/44                               | -                                  | -                                           | -                          | -                     | -            | -                           | -                          | -                     | -            | -                                              | -                          | -                     | -            |
| 11/45                               | -                                  | -                                           | -                          | -                     | -            | -                           | -                          | -                     | -            | -                                              | -                          | -                     | -            |
| 12/46                               | -                                  | -                                           | -                          | -                     | -            | -                           | -                          | -                     | -            | -                                              | -                          | -                     | -            |
| 13/47                               | -                                  | -                                           | -                          | -                     | -            | -                           | -                          | -                     | -            | -                                              | -                          | -                     | -            |
| 14/48                               | -                                  | -                                           | -                          | -                     | -            | -                           | -                          | -                     | -            | -                                              | -                          | -                     | -            |
| 15/49                               | -                                  | -                                           | -                          | -                     | -            | -                           | -                          | -                     | -            | -                                              | -                          | -                     | -            |
| 16/50                               | -                                  | -                                           | -                          | -                     | -            | -                           | -                          | -                     | -            | -                                              | -                          | -                     | -            |
| 17/51                               | -                                  | -                                           | -                          | -                     | -            | -                           | -                          | -                     | -            | -                                              | -                          | -                     | -            |
| 18/52                               | -                                  | -                                           | -                          | -                     | -            | -                           | -                          | -                     | -            | -                                              | -                          | -                     | -            |
| 19/53                               | -                                  | -                                           | -                          | -                     | -            | -                           | -                          | -                     | -            | -                                              | -                          | -                     | -            |
| 20/54                               | -                                  | -                                           | -                          | -                     | -            | -                           | -                          | -                     | -            | -                                              | -                          | -                     | -            |

**KHÁCH HÀNG ĐƯỢC HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO ĐẦU TƯ  
TỪ CÁC QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ ĐÃ LỰA CHỌN**

Họ và tên TVTC: HANWHA LIFE VIETNAM 01

Mã số TVTC: 90000031

Minh Họa số: 102025-000288

Số chứng chỉ đại lý bảo hiểm cơ bản:

Ngày : 02/10/2025 16:56

Số chứng chỉ đại lý bảo hiểm liên kết đơn vị:

Trang : 21/25

Đơn vị tính: Nghìn đồng

| Năm hợp đồng/<br>Tuổi NĐBH | Tổng Phí BH đem đi đầu tư | Mức tỷ suất đầu tư THẤP (KHÔNG ĐƯỢC BẢO ĐẢM) |                            |                       |              |                             |                            |                       |              |                                                |                            |                       |              |
|----------------------------|---------------------------|----------------------------------------------|----------------------------|-----------------------|--------------|-----------------------------|----------------------------|-----------------------|--------------|------------------------------------------------|----------------------------|-----------------------|--------------|
|                            |                           | Giá trị tài khoản cơ bản                     |                            |                       |              | Giá trị tài khoản đóng thêm |                            |                       |              | Tổng khoản thưởng vào Giá trị tài khoản cơ bản |                            |                       |              |
|                            |                           | Quỹ Tăng trưởng                              | Quỹ Tăng trưởng chiến lược | Quỹ Cổ phiếu hàng đầu | Quỹ Bền vững | Quỹ Tăng trưởng             | Quỹ Tăng trưởng chiến lược | Quỹ Cổ phiếu hàng đầu | Quỹ Bền vững | Quỹ Tăng trưởng                                | Quỹ Tăng trưởng chiến lược | Quỹ Cổ phiếu hàng đầu | Quỹ Bền vững |
| 1/35                       | 6.000                     | -                                            | 3.755                      | -                     | -            | -                           | -                          | -                     | -            | -                                              | -                          | -                     | -            |
| 2/36                       | 8.400                     | -                                            | 9.920                      | -                     | -            | -                           | -                          | -                     | -            | -                                              | -                          | -                     | -            |
| 3/37                       | 9.600                     | -                                            | 17.311                     | -                     | -            | -                           | -                          | -                     | -            | -                                              | -                          | -                     | -            |
| 4/38                       | -                         | -                                            | 14.848                     | -                     | -            | -                           | -                          | -                     | -            | -                                              | -                          | -                     | -            |
| 5/39                       | -                         | -                                            | 12.100                     | -                     | -            | -                           | -                          | -                     | -            | -                                              | -                          | -                     | -            |
| 6/40                       | -                         | -                                            | 8.495                      | -                     | -            | -                           | -                          | -                     | -            | -                                              | -                          | -                     | -            |
| 7/41                       | -                         | -                                            | 4.489                      | -                     | -            | -                           | -                          | -                     | -            | -                                              | -                          | -                     | -            |
| 8/42                       | -                         | -                                            | 43                         | -                     | -            | -                           | -                          | -                     | -            | -                                              | -                          | -                     | -            |
| 9/43                       | -                         | -                                            | -                          | -                     | -            | -                           | -                          | -                     | -            | -                                              | -                          | -                     | -            |
| 10/44                      | -                         | -                                            | -                          | -                     | -            | -                           | -                          | -                     | -            | -                                              | -                          | -                     | -            |
| 11/45                      | -                         | -                                            | -                          | -                     | -            | -                           | -                          | -                     | -            | -                                              | -                          | -                     | -            |
| 12/46                      | -                         | -                                            | -                          | -                     | -            | -                           | -                          | -                     | -            | -                                              | -                          | -                     | -            |
| 13/47                      | -                         | -                                            | -                          | -                     | -            | -                           | -                          | -                     | -            | -                                              | -                          | -                     | -            |
| 14/48                      | -                         | -                                            | -                          | -                     | -            | -                           | -                          | -                     | -            | -                                              | -                          | -                     | -            |
| 15/49                      | -                         | -                                            | -                          | -                     | -            | -                           | -                          | -                     | -            | -                                              | -                          | -                     | -            |
| 16/50                      | -                         | -                                            | -                          | -                     | -            | -                           | -                          | -                     | -            | -                                              | -                          | -                     | -            |
| 17/51                      | -                         | -                                            | -                          | -                     | -            | -                           | -                          | -                     | -            | -                                              | -                          | -                     | -            |
| 18/52                      | -                         | -                                            | -                          | -                     | -            | -                           | -                          | -                     | -            | -                                              | -                          | -                     | -            |
| 19/53                      | -                         | -                                            | -                          | -                     | -            | -                           | -                          | -                     | -            | -                                              | -                          | -                     | -            |
| 20/54                      | -                         | -                                            | -                          | -                     | -            | -                           | -                          | -                     | -            | -                                              | -                          | -                     | -            |

KHÁCH HÀNG ĐƯỢC HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO ĐẦU TƯ  
TỪ CÁC QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ ĐÃ LỰA CHỌN

Họ và tên TVTC: HANWHA LIFE VIETNAM 01

Mã số TVTC: 90000031

Minh Họa số: 102025-000288

Số chứng chỉ đại lý bảo hiểm cơ bản:

Ngày : 02/10/2025 16:56

Số chứng chỉ đại lý bảo hiểm liên kết đơn vị:

Trang : 22/25

## MỘT SỐ LƯU Ý QUAN TRỌNG

- **Tài liệu minh họa bán hàng** này được tính toán dựa trên cơ sở Người được bảo hiểm đạt mức rủi ro chuẩn theo quy định về thẩm định phát hành Hợp đồng bảo hiểm của Hanwha Life Việt Nam. Phí bảo hiểm thể hiện trong tài liệu minh họa bán hàng này là Phí bảo hiểm tạm tính theo định kỳ đóng phí do Khách hàng lựa chọn.
- **Giá trị tài khoản hợp đồng** được minh họa tại tài liệu này là giá trị được minh họa vào cuối Năm hợp đồng.
- **Tổng khoản thưởng** được minh họa tại tài liệu này bao gồm Thưởng duy trì hợp đồng và Thưởng đặc biệt.
- **Quyền lợi tử vong/ TTTB&VV đảm bảo** chỉ có giá trị minh họa và được đảm bảo với điều kiện: Sản phẩm bảo hiểm này đang có hiệu lực và Số tiền bảo hiểm không thay đổi so với thời điểm tạo lập Tài liệu minh họa bán hàng này.
- **Theo quy định của pháp luật**, Tài liệu minh họa bán hàng chỉ thể hiện quyền lợi bảo hiểm trong 20 năm. Trên thực tế, Bên mua bảo hiểm vẫn có thể đóng Phí bảo hiểm để tiếp tục duy trì hiệu lực Hợp đồng bảo hiểm cho đến cuối Thời hạn hợp đồng và Giá trị tài khoản hợp đồng vẫn tiếp tục được dùng để đầu tư và hưởng kết quả đầu tư.
- **Việc giao kết Hợp đồng bảo hiểm** là một cam kết dài hạn, nếu Bên mua bảo hiểm hủy bỏ Hợp đồng bảo hiểm có thể dẫn đến việc không nhận lại được giá trị tương đương với khoản Phí bảo hiểm đã đóng.
- **Việc kê khai thông tin chính xác, trung thực và đầy đủ** khi tham gia bảo hiểm/khôi phục hiệu lực/điều chỉnh Hợp đồng bảo hiểm cũng như tuân thủ các quy định khác tại Hợp đồng bảo hiểm nhằm đảm bảo quyền và lợi ích cho Bên mua bảo hiểm/Người được bảo hiểm khi tham gia bảo hiểm.
- **Hanwha Life Việt Nam** sẽ gửi thông báo về việc đóng Phí bảo hiểm cho Khách hàng. Tuy nhiên, Khách hàng có nghĩa vụ đóng Phí bảo hiểm và đảm bảo duy trì Giá trị tài khoản hợp đồng lớn hơn không (0) ngay cả khi không nhận được thông báo này.
- **Tài liệu này chỉ mang tính minh họa** và chỉ có giá trị sử dụng khi đầy đủ số trang, chi tiết thông tin về các sản phẩm bảo hiểm, quyền lợi bảo hiểm, các điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm và các nội dung khác được quy định cụ thể trong Quy tắc và Điều khoản của từng sản phẩm bảo hiểm. Quý khách vui lòng vui lòng tham khảo Quy tắc và Điều khoản của các sản phẩm bảo hiểm tại website: <https://www.hanwhalife.com.vn/vi/documents>.
- **Bên mua bảo hiểm** có thể tự xây dựng kế hoạch bảo hiểm minh họa của sản phẩm bảo hiểm này tại: <https://khachhang.hanwhalife.com.vn/Congcuminhhhoa>.

## KHÁCH HÀNG ĐƯỢC HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO ĐẦU TƯ TỪ CÁC QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ ĐÃ LỰA CHỌN

Họ và tên TVTC: HANWHA LIFE VIETNAM 01

Mã số TVTC: 90000031

Minh Họa số: 102025-000288

Số chứng chỉ đại lý bảo hiểm cơ bản:

Ngày : 02/10/2025 16:56

Số chứng chỉ đại lý bảo hiểm liên kết đơn vị:

Trang : 23/25

GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ BẢO HIỂM

- 1. **Phí bảo hiểm cơ bản:** là số tiền được tính dựa trên Số tiền bảo hiểm do Bên mua bảo hiểm lựa chọn và theo kết quả thẩm định Người được bảo hiểm của Hanwha Life Việt Nam. Phí bảo hiểm cơ bản được Bên mua bảo hiểm đóng cho Hanwha Life Việt Nam theo định kỳ và được quy định trong Giấy chứng nhận bảo hiểm hoặc các thỏa thuận sửa đổi, bổ sung bằng văn bản hoặc các hình thức giao dịch khác theo quy định của pháp luật (nếu có).
- 2. **Phí bảo hiểm đóng thêm:** là khoản tiền Bên mua bảo hiểm nộp thêm cho Hanwha Life Việt Nam ngoài Phí bảo hiểm cơ bản tính đến kỳ đóng phí hiện tại để mua thêm các Đơn vị quỹ. Trong mỗi Năm hợp đồng, tổng số Phí bảo hiểm đóng thêm không vượt quá 05 lần Phí bảo hiểm cơ bản quy năm của Năm hợp đồng hiện hành (Mức giới hạn này có thể được điều chỉnh theo quy định của pháp luật tại thời điểm áp dụng).
- 3. **Giá trị tài khoản cơ bản:** là tổng giá trị của các Quỹ của Tài khoản cơ bản. Trong đó, giá trị của mỗi Quỹ được xác định bằng số lượng Đơn vị quỹ của Quỹ đó nhân với Giá đơn vị quỹ tương ứng.
- 4. **Giá trị tài khoản đóng thêm:** là tổng giá trị của các Quỹ của Tài khoản đóng thêm. Trong đó, giá trị của mỗi Quỹ được xác định bằng số lượng Đơn vị quỹ của Quỹ đó nhân với Giá đơn vị quỹ tương ứng.
- 5. **Giá trị tài khoản hợp đồng:** bao gồm tổng Giá trị tài khoản cơ bản và Giá trị tài khoản đóng thêm.
- 6. **Giá trị hoàn lại:** là số tiền Bên mua bảo hiểm có thể nhận được khi sản phẩm bảo hiểm này chấm dứt trước Ngày đáo hạn và bằng Giá trị tài khoản hợp đồng trừ đi Phí chấm dứt hợp đồng trước hạn được quy định cụ thể theo Quy tắc và Điều khoản của sản phẩm bảo hiểm này.

KHÁCH HÀNG ĐƯỢC HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO ĐẦU TƯ  
TỪ CÁC QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ ĐÃ LỰA CHỌN

|                                               |                      |                            |
|-----------------------------------------------|----------------------|----------------------------|
| Họ và tên TVTC: HANWHA LIFE VIETNAM 01        | Mã số TVTC: 90000031 | Minh Họa số: 102025-000288 |
| Số chứng chỉ đại lý bảo hiểm cơ bản:          |                      | Ngày : 02/10/2025 16:56    |
| Số chứng chỉ đại lý bảo hiểm liên kết đơn vị: |                      | Trang : 24/25              |

## XÁC NHẬN CỦA BÊN MUA BẢO HIỂM

Tôi - Bên mua bảo hiểm của Hợp đồng bảo hiểm, bằng việc ký tên dưới đây, xác nhận rằng:

- Tôi hiểu và đồng ý rằng:
  - Tài liệu minh họa bán hàng này chỉ có giá trị minh họa;
  - Các quyền lợi và điều kiện bảo hiểm được quy định tại Quy tắc và Điều khoản của Hợp đồng bảo hiểm.
- Tôi hiểu rằng Giá trị tài khoản hợp đồng thực tế tùy thuộc vào mức lãi suất đầu tư thực tế của Quỹ liên kết đơn vị **(KHÔNG ĐƯỢC BẢO ĐẢM)**, Phí bảo hiểm thực đóng và số tiền rút ra thực tế từ Giá trị tài khoản hợp đồng, vì vậy Giá trị tài khoản hợp đồng thực tế có thể cao hơn hoặc thấp hơn so với giá trị thể hiện ở Tài liệu minh họa bán hàng này.
- Tôi hiểu rằng Hợp đồng bảo hiểm sẽ mất hiệu lực nếu Phí bảo hiểm không được đóng đầy đủ và đúng hạn trong vòng 03 Năm hợp đồng đầu tiên, hoặc Giá trị tài khoản hợp đồng không đủ để trừ Phí quản lý hợp đồng và Phí rủi ro sau 03 Năm hợp đồng đầu tiên.
- Tôi hiểu rằng việc tham gia Hợp đồng bảo hiểm là một cam kết dài hạn, việc Bên mua bảo hiểm hủy bỏ Hợp đồng bảo hiểm có thể dẫn đến việc không nhận lại được giá trị tương đương với khoản Phí bảo hiểm đã đóng.
- Tôi đồng ý và xác nhận rằng việc tham gia Hợp đồng bảo hiểm này là (i) trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc và (ii) phù hợp với nhu cầu tài chính và nhu cầu bảo hiểm của Tôi. Trường hợp cần cung cấp hoặc giải thích thêm về các sản phẩm bảo hiểm, Tôi sẽ liên hệ với Hanwha Life Việt Nam.

### XÁC NHẬN CỦA BÊN MUA BẢO HIỂM

Tôi, người ký tên dưới đây, xác nhận đã đọc kỹ và đã được tư vấn đầy đủ và hiểu rõ các nội dung chi tiết trên tất cả các trang của Tài liệu minh họa bán hàng này cũng như nội dung của Quy tắc và Điều khoản của các sản phẩm bảo hiểm mà Tôi tham gia, bao gồm các điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm.

Trong trường hợp nộp Hồ sơ yêu cầu bảo hiểm qua hệ thống online - eSubmission và không sử dụng chữ ký số thì Bên mua bảo hiểm và Tư vấn tài chính cần ký tại Thư xác nhận việc sử dụng Hồ sơ yêu cầu bảo hiểm điện tử - Mẫu E1.

(Bên mua bảo hiểm ký và ghi rõ họ tên)

### XÁC NHẬN CỦA TƯ VẤN TÀI CHÍNH

Tôi, người ký tên dưới đây, xác nhận đã giải thích và đã tư vấn đầy đủ cho Bên mua bảo hiểm có tên nêu trên về chi tiết của Tài liệu minh họa bán hàng này và nội dung của Quy tắc và Điều khoản của các sản phẩm bảo hiểm mà Khách hàng tham gia.

(Tư vấn tài chính ký tên)

Chị A

Ngày: \_\_\_\_\_

HANWHA LIFE VIETNAM 01 - Mã số TVTC: 90000031

Ngày: \_\_\_\_\_

## KHÁCH HÀNG ĐƯỢC HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO ĐẦU TƯ TỪ CÁC QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ ĐÃ LỰA CHỌN

Họ và tên TVTC: HANWHA LIFE VIETNAM 01

Mã số TVTC: 90000031

Minh Họa số: 102025-000288

Số chứng chỉ đại lý bảo hiểm cơ bản:

Ngày : 02/10/2025 16:56

Số chứng chỉ đại lý bảo hiểm liên kết đơn vị:

Trang : 25/25